TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2023/DS-ST
Ngày: 26 - 5 - 2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hồng Chinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Hà Bửu Khánh

2. Ông Võ Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa:Ông Nguyễn Phước Đức là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023 , tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2023/QĐXXST-DS, ngày 27 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ng K L , sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Số 338, khu phố ,thị trấn G R, huyện G R, tỉnh K G.

Người được ủy quyền : Ông Ng V L, sinh năm 1970.

Là luật sư, làm việc tại Chi nhánh văn phòng luật sư Ph Kh Ph tại huyện G R, tỉnh K G.

Địa chỉ: số 78 Hùng Vương, khu phố Nội , thị trấn G R, h G R, tỉnh K G.

Bị đơn: Anh L Nh L, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Th H, xã Th , huyện G R, tỉnh K G, Phòng Răng Nh L, tỉnh lộ 963, khu phố 6 thị trấn G R, huyện G R, tỉnh K G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn bà Ng K L trình bày: Do quen biết và tin tưởng nhau nên ngày 18 tháng 01 năm 2017 bà có cho ông L Nh L vay số tiền là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), lãi thỏa thuận là 5% tháng thời hạn thanh toán nợ hai bên thỏa thuận là :"L

hứa khi nào có tiền sẽ tranh thủ trả sớm". Việc vay tài sản hai bên có viết biên nhận ngày 18/01/2017.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản kể từ ngày vay cho đến nay, ông L chỉ có trả tiền lãi theo thỏa thuận cho bà đến ngày 18/12/2017.

Nay bà yêu cầu tòa án giải quyết buộc ông L phải trả cho bà số tiền vốn vay còn nợ là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) và trả tiền lãi với lãi suất 1,6% kể từ ngày 18/12/2017 cho đến ngày Tòa án giải quyết.

* Bị đơn: Tòa án đã triệu tập anh L Nh L đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh L vắng mặt không lý do.

Tại phiên toà bà Ng K L yêu cầu tòa án giải quyết buộc anh L phải trả cho bà số tiền vốn vay còn nợ là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) và trả tiền lãi với lãi suất 1,6% kể từ ngày 18/12/2017 cho đến ngày Tòa án giải quyết.

Anh L vắng mặt nên không có lời trình bày trình bày:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].Về tố tụng:Về sự có mặt của đương sự; Anh L đã được triệu tập hợp lệ, nhưng anh vắng mặt không lý do nên căn cứ vào điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh.

[1.1].Về quan hệ tranh chấp: Bà Ng K L khởi kiện yêu cầu anh L, phải trả cho bà tiền vay còn nợ nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2].Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện G R, tỉnh K G nên căn vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G R.

[2]. Về nội dung vụ án: Bà L yêu cầu anh L phải trả cho bà số tiền còn nợ là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi theo quy định nhà nước kể từ ngày 18/12/2017 đến ngày Tòa án xét xử.

Xét yêu cầu của bà L thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, bà L có cung cấp biên nhận nợ do anh L viết thể hiện có vay của bà L tiền 40.000.000 đồng. Nên căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự công nhận đó là sự thật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà L có đòi tiền vay nhiều lần nhưng anh L không thanh toán là vi phạm nghĩa vụ của bên vay tài sản được quy định tại Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, việc bà L yêu cầu anh L phải trả cho bà số tiền còn nợ 40.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật.

Xét yêu cầu tính lãi của bà L là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận: Lãi suất tại thời điểm phát sinh nợ là 10%/năm, kể từ ngày 18/12/2017 đến ngày 26 tháng 5 năm 2023 660 ngày.

Như vậy, tiền lãi là 40.000.000 đồng x 0,83% x 65 = 21.658.000 đồng (hai mốt triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Tổng cộng số tiền ông L phải trả cho bà L số tiền gốc và lãi là 40.000.000 đồng + 21.658.000 đồng = 61.658.000 đồng (sáu mươi mốt triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh L không trả đủ số tiền trên thì ông còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3]. Về án phí: Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;điểm đkhoản1Điều 12 củaNghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của bà L được chấp nhận nên bà không phải chịu án phí.Hoàn trả cho bà L số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) theo biên lai thu số 0008745 ngày 04 tháng 10 năm 2022 của chi cục Thi hành án huyện G R.

Anh L phải chịu 5% án phí giá ngạch của 61.658.000 đồng x 5% = 3.082.000 đồng (ba triệu không trăm tám mươi hai nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26,khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ng K L.

Xử Buộc anh L Nh L có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền gốc và lãi là 61.658.000 đồng (sáu mươi mốt triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh L không trả đủ số tiền trên thì anh còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Yêu cầu của bà L được chấp nhận nên bà không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà L số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) theo biên lai thu số 0008745 ngày 04 tháng 10 năm 2022 của chi cục Thi hành án huyện G R.

Anh L phải chịu 5% án phí giá ngạch của 61.658.000đồng x 5% = 3.082.000 đồng (ba triệu không trăm tám mươi hai nghìn đồng).

4.Về quyền kháng cáo: Báo cho bà L biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 26/5/2023. Anh L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 của luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**
- TAND tỉnh K G;
- VKSND tỉnh K G;
- VKSND huyện G R;
- Chi cục THA DS huyện G R;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Hồng Chinh